

**BỘ Y TẾ**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

---

# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**TÊN NGÀNH: PLOY HỌC DỰ PHÒNG  
(PREVENTIVE MEDICINE)**

**MÃ NGÀNH: 7720110**

**TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC**

**Cần Thơ, năm 2019**



## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**1. Tên chương trình đào tạo:** Y học dự phòng – Preventive Medicine

**2. Mã ngành đào tạo:** 7720110

**3. Văn bằng tốt nghiệp:** Bác sĩ Y học dự phòng

**4. Thời gian đào tạo:** 12 học kỳ (có thể học vượt rút ngắn thời gian đào tạo hoặc kéo dài thời gian đào tạo nhưng không quá 06 học kỳ)

**5. Ngày ban hành:** 01/08/2019

### 6. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội và y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành về y học dự phòng để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên phát triển hội nhập và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

### 7. Chuẩn đầu ra

PLO1. Tuân thủ chính sách pháp luật và có trách nhiệm với xã hội.

PLO2. Ứng dụng ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp.

PLO3. Có sức khỏe và phát triển được năng lực tự học, tự nghiên cứu, các kỹ năng mềm để thực hiện và phát triển nghề nghiệp.

PLO4. Xác định và quản lý được các vấn đề sức khỏe, yếu tố tác động đến sức khỏe của cộng đồng.

PLO5. Phòng chống và quản lý được một số bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm, tai nạn thương tích, các vấn đề thảm họa y học.

PLO6. Triển khai và đánh giá được hiệu quả các chương trình y tế.

PLO7. Chẩn đoán, xử trí, cấp cứu được các bệnh thông thường.

PLO8. Tổ chức và thực hiện được hoạt động tư vấn, giáo dục và nâng cao sức khỏe.

PLO9. Thực hiện công tác quản lý chất lượng y tế, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.

### 8. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của bộ giáo dục và đào tạo và theo đề án tuyển sinh hàng năm của trường

### 9. Cấu trúc chương trình dạy học

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mức độ đóng góp vào CDR(*)
		TC	LT	TH	
	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>50</b>	<b>42</b>	<b>8</b>	
	<b>Kiến thức chung</b>	<b>33</b>	<b>29</b>	<b>4</b>	
CB0301	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin I	2	2	0	H: PLO1 S: PLO2,3,4,5,6,7,8,9
CB0302	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin II	3	3	0	H: PLO1 S: PLO2,3,4,5,6,7,8,9
CB0303	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	H: PLO1

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mức độ đóng góp vào CDR(*)
		TC	LT	TH	
					S: PLO2,3,4,5,6,7,8,9
CB0304	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0	H: PLO1 S: PLO2,3,4,5,6,7,8,9
CB0102	Anh văn chuyên ngành I	3	3	0	H: PLO1,2,8 S: PLO3,4,5,6,7,9
CB0103	Anh văn chuyên ngành II	3	3	0	H: PLO1,2,8 S: PLO3,4,5,6,7,9
CB0103	Anh văn chuyên ngành III	3	3	0	H: PLO1,2,8 S: PLO3,4,5,6,7,9
CB0405	Tin học đại cương	2	1	1	H: PLO2 S: PLO1,3,4,6,8,9
CB0503	Giáo dục thể chất	3	1	2	S: PLO1,2,4,6
QP0006	Giáo dục quốc phòng – An ninh I	2	2	0	H: PLO1 S: PLO2,3
QP0007	Giáo dục quốc phòng – An ninh II	2	2	0	H: PLO1 S: PLO2,3
QP0008	Giáo dục quốc phòng – An ninh III	3	2	1	H: PLO1 S: PLO2,3
QP0009	Giáo dục quốc phòng - An ninh IV	1	1	0	H: PLO1 S: PLO2,3
CB0004	Nhà nước và Pháp luật	1	1	0	H: PLO1 S: PLO2,3,4,9
	<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>	<b>17</b>	<b>13</b>	<b>4</b>	
CB0501	Sinh học và di truyền	3	2	1	H: PLO3 S: PLO1,2,4,5,6,7,8,9
CB0403	Lý sinh	3	2	1	H: PLO5 S: PLO1,2,3,4,6,7,8,9
CB0201	Hoá học	3	2	1	H: PLO3 S: PLO1,2
CB0406	Tin học ứng dụng	2	1	1	H: PLO2,5,7 S: PLO1,3,4,6,8,9
CB0401	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	H: PLO3 S: PLO1,2,9
YT0401	Tâm lý y học – Đạo đức y học	2	2	0	H: PLO3,4,5,7,8 S: PLO1,2,6,9
YT0215	Thống kê y tế	2	2	0	H: PLO2,3,9 S: PLO1,4,6,8
	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>161</b>	<b>87</b>	<b>74</b>	
	<b>Kiến thức cơ sở của ngành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>21</b>	
YY0101	Giải phẫu I	3	2	1	H: PLO3,4,5,6,7,8 S: PLO1,2
YY0109	Giải phẫu II	3	2	1	H: PLO3,4,5,6,7,8 S: PLO1,2
YY0201	Mô phôi	3	2	1	H: PLO2 S: PLO1,3,4,7
YY0403	Sinh lý I	2	2	0	H: PLO3 S: PLO1,2,4,5,6,7,8,9

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mức độ đóng góp vào CDR(*)
		TC	LT	TH	
YY0402	Sinh lý II	3	2	1	H: PLO3 S: PLO1,2,4,5,6,7,8,9
YY0602	Hóa sinh	3	2	1	H: PLO4,5 S: PLO1,2,3,6,7,8,9
YY0701	Vi sinh	3	2	1	H: PLO1,4,5,6,7,8 S: PLO2,3,9
YY0801	Ký sinh trùng	3	2	1	H: PLO5,6,8 S: PLO1,2,3,4,7,9
YY0301	Giải phẫu bệnh	2	1	1	S: PLO1,2,3,4,5,7
YY0501	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1	H: PLO5 S: PLO1,2,3,4,6,7,8,9
DK0301	Dược lý	3	2	1	H: PLO2,3,5,6,7,8 S: PLO1,4,9
YY1801	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	H: PLO4,5,6,7,8,9 S: PLO1,2
YT0501	Dinh dưỡng, an toàn và vệ sinh thực phẩm I	2	1	1	H: PLO4,5,8 S: PLO1,2,3,6,7,9
DD0101	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	H: PLO1,7 S: PLO2,3,4,5,6,8,9
YT0302	Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường I	3	2	1	H: PLO4,5 S: PLO1,2,3,6,8
YT0130	Dịch tễ học I	3	2	1	H: PLO4 S: PLO1,2,3,5,6,9
YT0408	Khoa học hành vi và Giáo dục sức khỏe I	2	2	0	H: PLO8 S: PLO1,2,3,4,5,6,7,9
YT0009	Thực tập Y học dự phòng I	2	0	2	H: PLO4,5 S: PLO1,2,3,9
HLKN01	Tiền lâm sàng I	2	0	2	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9
KLKN02	Tiền lâm sàng II	2	0	2	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9
	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>94</b>	<b>51</b>	<b>43</b>	
YY0901	Nội cơ sở I	3	1	2	H: PLO4,5 S: PLO2,3,6,7,8,9
YY0902	Nội cơ sở II	3	1	2	H: PLO4,5 S: PLO2,3,6,7,8,9
YY1101	Ngoại cơ sở I	3	1	2	H: PLO7 S: PLO2,3,4,5,6,8,9
YY1102	Ngoại cơ sở II	3	1	2	H: PLO7 S: PLO2,3,4,5,6,8,9
YY0905 YY0906	Nội bệnh lý I	3	2	1	H: PLO3,4,5,6,7,8 S: PLO2,9
YY0907 YY0908	Nội bệnh lý II	2	1	1	H: PLO3,4,5,6,7,8 S: PLO2,9
YY1107 YY1108	Ngoại bệnh lý I	3	2	1	H: PLO4,7 S: PLO2,3,5,6,8,9
YY1105	Ngoại bệnh lý II	2	1	1	H: PLO4,7

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mức độ đóng góp vào CDR(*)
		TC	LT	TH	
YY1106					S: PLO2,3,5,6,8,9
YY1707 YY1708	Nhi I	3	2	1	H: PLO4,5,7,8 S: PLO1,2,3,6,9
YY1709 YY1710	Nhi II	2	1	1	H: PLO4,5,7,8 S: PLO1,2,3,6,9
YY1607 YY1608	Phụ sản I	3	2	1	H: PLO4,5,6 S: PLO1,2,3,7,8,9
YY1609 YY1610	Phụ sản II	2	1	1	H: PLO3,4,5,6,7,8,9 S: PLO1,2
YY2001	Truyền nhiễm	3	2	1	H: PLO5,6,7 S: PLO1,2,3,4,8,9
YY2501	Y học cổ truyền	2	1	1	S: PLO1,3,4,5,6,7,8
YY2101	Lao	2	1	1	H: PLO8,9 S: PLO1,2,3,4,5,6,7
RH0002	Răng hàm mặt	2	1	1	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9
YY2301	Tai mũi họng	2	1	1	H: PLO4,5,6 S: PLO1,2,3,7,8,9
YY2201	Mắt	2	1	1	H: PLO5,6,7 S: PLO1,2,3,4,8
YY2401	Da liễu	2	1	1	H: PLO3,4,5,8 S: PLO1,2,6,7,9
YY1401	Phục hồi chức năng	2	1	1	H: PLO4,8 S: PLO1,2,3,5,6,7,9
YY0923	Thần kinh	2	1	1	H: PLO4,7 S: PLO1,2,3,5,6,8,9
YY1901	Sức khỏe tâm thần	2	1	1	S: PLO2,3,4,5,6,7,8,9
YT0208	Sức khỏe sinh sản	1	1	0	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9
YT0117 YT0118	Kinh tế y tế	2	1	1	H: PLO4,6 S: PLO1,2,3
YT0404 YT0405	CTYTQG - Tổ chức & Quản lý y tế	3	2	1	H: PLO1,6,9 S: PLO2,3,4,5,8
YT0422 YT0423	Y xã hội học và nhân học y học	2	1	1	H: PLO4,9 S: PLO1,2,3,5
YT0311 YT0313	Sức khỏe lứa tuổi	2	1	1	H: PLO6,9 S: PLO1,2,3,4,5,8
YT0303 YT0304	Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường II	3	2	1	H: PLO9 S: PLO1,2,3,4,5,6,8
YT0319 YT0320	Sức khỏe nghề nghiệp	4	3	1	S: PLO1,2,3,4,5,7,8
YT0102	Dịch tễ học II	3	2	1	H: PLO4,5 S: PLO1,2,3,6,7,8
YT0515 YT0516	Dinh dưỡng, an toàn và vệ sinh thực phẩm II	4	2	2	H: PLO4,5,8 S: PLO1,2,3,6,7,9
YT0424 YT0425	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe II	2	1	1	H: PLO6,8 S: PLO2,3,5,9

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mức độ đóng góp vào CDR(*)
		TC	LT	TH	
YT0202 YT0203	Dân số học	2	1	1	H: PLO4 S: PLO1,2,3,5,6,8,9
YT0123 YT0124	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	3	2	1	H: PLO9 S: PLO1,2,3,6
YT0010	Thực tập Y học Dự phòng II	2	0	2	H: PLO8 S: PLO1,2,3,4,5,6,7,9
YT0011	Thực tập Y học Dự phòng III	2	0	2	H: PLO4,5,6,7,8 S: PLO3,9
YY2601	Y học gia đình	2	1	1	H: PLO4,5,9 S: PLO1,2,3,6,7,8
YT0321	Y học đáp ứng với thảm họa	1	1	0	H: PLO5,8 S: PLO1,2,3,4,6,7
YY0302	Pháp Y	1	1	0	S: PLO4,5
YT0003	Lý luận và phương pháp giảng dạy	2	2	0	S: PLO1,2,3,4,6,8,9
	<b>Kiến thức tự chọn</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>10</b>	
YT0135	Định hướng cơ bản chuyên khoa y học dự phòng	6	1	5	H: PLO4,5,6,7,8 S: PLO1,2,3,9
YT0518	Định hướng cơ bản chuyên khoa can thiệp cộng đồng	6	1	5	H: PLO4,5,6 S: PLO1,2,3,8,9
YT0001	<b>Kiến thức chuyên ngành tổng hợp</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9

## 10. Mô tả học phần

### 1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin I

Đây là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu những quy luật chung nhất của thế giới, về vị trí và vai trò của con người trong thế giới. Học phần này cung cấp những kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nội dung học phần sẽ hình thành thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động thực tiễn của chủ thể nhận thức.

### 2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin II

Đây là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản, nghiên cứu những quy luật kinh tế chính trị và nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, đồng thời xây dựng niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội khoa học.

### 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Đây là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về những nội dung cơ bản, cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên nâng cao ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong học tập và cuộc sống.

#### **4. Đường lối cách mạng của ĐCSVN**

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối cách mạng trên tất cả các lĩnh vực, do Đảng Cộng sản Việt Nam vạch ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Nội dung học phần góp phần xây dựng niềm tin vào đường lối cách mạng, vào sự lãnh đạo của Đảng cho sinh viên

#### **5. Anh văn chuyên ngành I**

Học phần Anh văn chuyên ngành I thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các chủ đề hướng dẫn sử dụng thuốc, mô tả các đơn vị, nhân sự trong bệnh viện, các bộ phận cơ thể, hệ hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa. Học phần này trang bị cho người học từ vựng liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập ở trên.

#### **6. Anh văn chuyên ngành II**

điểm liên quan đến hệ trong cơ thể như máu, xương, da, khai thác bệnh sử, mô tả triệu chứng, thăm khám và các chuyên khoa y học gia đình, nhi. Học phần này trang bị cho người học từ vựng liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập ở trên.

#### **7. Anh văn chuyên ngành III**

Học phần Anh văn chuyên ngành III thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các hệ trong cơ thể như nội tiết, sinh sản, tiết niệu, xét nghiệm, chẩn đoán, các chuyên khoa ngoại, sản và công việc điều dưỡng. Học phần này trang bị cho người học từ vựng liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập ở trên.

#### **8. Tin học đại cương**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, cần thiết về công nghệ thông tin và máy tính bao gồm các kiến thức cơ bản như: Hệ điều hành Windows, hệ soạn thảo văn bản, Microsoft Word; nhập và xử lý số liệu Microsoft Excel; thiết kế trình chiếu Microsoft PowerPoint; sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet. Nội dung học phần này sẽ là kiến thức nền tảng cho học phần tin học ứng dụng. Ngoài ra, người học có có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho việc học tập và nghiên cứu khoa học được nâng cao hơn.

#### **9. Giáo dục thể chất**

Học phần Giáo dục thể chất thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giúp sinh viên hiểu biết được cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao và trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản, luật thi đấu và phương pháp trọng tài của các môn bóng chuyền, bóng đá, cầu lông. Bên cạnh, học phần cũng hỗ trợ sinh viên tích cực tham gia thể thao ngoài khóa nhằm nâng cao sức khỏe và thể chất cho sinh viên

#### **10. Giáo dục quốc phòng–An ninh I**

Giáo dục quốc phòng - an ninh I là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã



hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

### **11. Giáo dục quốc phòng–An ninh II**

Giáo dục quốc phòng - an ninh II là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần gồm những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

### **12. Giáo dục quốc phòng–An ninh III**

Giáo dục quốc phòng - an ninh III là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.

### **13. Giáo dục quốc phòng–An ninh IV**

Giáo dục quốc phòng - an ninh IV là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.

### **14. Nhà nước và Pháp luật**

Nhà nước và pháp luật đại cương thuộc kiến thức chung giúp sinh viên nghiên cứu những thuộc tính cơ bản, chung nhất của Nhà nước và pháp luật, bản chất, vai trò xã hội, những quy luật của sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của chúng. Đồng thời nhà nước và pháp luật trong mối quan hệ biện chứng với nhau, qua đó nghiên cứu những nét khái quát nhất của Nhà nước và pháp luật Việt Nam.

### **15. Sinh học và di truyền**

Học phần giới thiệu một số vấn đề về các nguyên lý sinh học như: sinh học phân tử, sinh học tế bào,... Bên cạnh, học phần còn cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất, những quy luật di truyền chi phối tính trạng, bệnh tật ở người, các xét nghiệm dùng trong chẩn đoán bệnh tật và tư vấn di truyền. Nội dung học phần giúp sinh viên biết và chỉ định được một số xét nghiệm di truyền y học, cũng như tư vấn được một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp; từ đó làm nền tảng để học tiếp các môn học cơ sở và các môn lâm sàng của khối ngành khoa học sức khỏe.

### **16. Lý sinh**

Lý Sinh là học phần cơ sở tương đối quan trọng cho khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật lý có nhiều ứng dụng trong y học như sóng âm, dòng điện trong cơ thể, quang sinh học, phóng xạ sinh học..., giải thích các hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống, các nguyên lý của các ứng dụng

kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Học xong học phần này, người học sẽ có nền tảng vững chắc để học các học phần chuyên ngành có liên quan tiếp theo và giải thích được các hiện tượng vật lý và quá trình xảy ra ở cơ thể sống.

### **17. Hóa học**

Hóa học là học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, phân tử, liên kết hóa học, các nguyên lý cơ bản của nhiệt động hóa học; cân bằng hóa học; dung dịch các chất không điện ly, các chất điện ly, dung dịch keo; điện hóa học; danh pháp, tính chất, phương pháp điều chế, ứng dụng y sinh học của các đơn chất, hợp chất phổ biến.

### **18. Tin học ứng dụng**

Học phần Tin học Ứng dụng là học phần cơ sở quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong y học. Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê; thực hiện được các thao tác tìm kiếm thông tin y học trên mạng Internet và phần mềm trích dẫn tài liệu tham khảo.

### **19. Xác suất – Thống kê y học**

Học phần Xác suất - Thống kê y học là môn cơ sở của khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về xác suất phục vụ cho thống kê, các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp thu thập và trình bày dữ liệu; ước lượng tham số của tổng thể bằng khoảng tin cậy đối xứng; kiểm định giả thuyết một mẫu, hai mẫu và nhiều mẫu độc lập; phân tích phương sai, phân tích hồi quy và tương quan giữa 2 biến ngẫu nhiên. Nội dung học phần làm nền tảng để giải thích ý nghĩa của các thông số khi phân tích số liệu thống kê trong nghiên cứu khoa học sức khỏe.

### **20. Tâm lý y học – Đạo đức y học**

Học phần này thuộc Kiến thức cơ sở khối ngành, gồm hai phần: Tâm lý học: mô tả các hiện tượng tâm lý, trình bày những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người, ứng dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành y tế với bệnh nhân và đồng nghiệp. Đạo đức y học: trình bày các khái niệm, nguyên tắc đạo đức cơ bản trong thực hành y khoa, những quy định về đạo đức khi tiến hành nghiên cứu khoa học, nghĩa vụ của người cán bộ y tế đối với bệnh nhân và xã hội, những nội dung đặc trưng của đạo đức người cán bộ y tế. Học phần Tâm lý học- đạo đức y học liên quan mật thiết đến môn học Khoa học hành vi- giáo dục sức khỏe.

### **21. Thống kê y tế**

Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về ứng dụng thống kê trong lĩnh vực khoa học sức khỏe bao gồm các nội dung về lý thuyết lấy mẫu, tóm tắt và trình bày số liệu, các dạng đo lường, các phép ước lượng, các bước tiến hành và lựa chọn kiểm định giả thuyết thống kê, phiên giải và trình bày số liệu. Ngoài kiến thức giảng viên truyền đạt trên lớp, người học phải tự học, tự nghiên cứu tài liệu và hoàn thành bài tập. Học phần Thống kê y học có liên quan mật thiết với nhiều học phần khác như Xác suất thống kê, Nghiên cứu khoa học, Dịch tễ học...

### **22. Giải phẫu I**

Giải phẫu I là học phần mở đầu trong các học phần giải phẫu nhằm giới thiệu cho sinh viên nắm được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong khối ngành khoa học sức khỏe nói chung và y học nói riêng, định nghĩa, phạm vi và cách gọi tên trong giải phẫu học,

các phương tiện và phương pháp học giải phẫu. Sinh viên được học lý thuyết về cấu tạo tứ chi, đầu mặt cổ của cơ thể bình thường và thực hành trên mô hình, xác ướp để mô tả vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong và mối liên của xương, cơ, mạch máu và thần kinh của tứ chi, đầu mặt cổ

### **23. Giải phẫu II**

Xác định được các mốc giải phẫu vùng đáy chậu, từ đó áp dụng vào phương pháp cắt tầng sinh môn trên lâm sàng. Xác định được các vùng nguy hiểm ở nách và vùng mông, từ đó có thể áp dụng vào các thủ thuật tiêm bắp trên lâm sàng

### **24. Mô phôi**

Mô Phôi là một học phần cơ sở của ngành Bác sĩ đa khoa, học phần này gồm hai phần: mô học và phôi thai học. Phần mô học mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể của các mô và những bộ phận chủ yếu của các cơ quan trong cơ thể người bình thường, qua đó giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của chúng. Phần phôi thai học mô tả quá trình hình thành và phát triển bình thường của phôi và một số cơ quan, dựa vào đó giải thích sự hình thành một số dị dạng bẩm sinh thường gặp ở người.

### **25. Sinh lý I**

Sinh lý học là môn học cơ sở quan trọng của y học nghiên cứu về các chức năng bình thường của cơ thể sống, mà chủ yếu là cơ chế thực hiện và điều hòa hoạt động chức năng. Học phần 1 giới thiệu các vấn đề cơ bản của cơ thể sống với đơn vị sống là các tế bào. Học phần này cũng đề cập đến hai cơ chế điều hòa hoạt động của cơ thể là cơ chế thể dịch và thần kinh. Trong đó, cơ chế thần kinh thông qua việc chi phối hệ cơ để điều hòa hoạt động các cơ quan và từ đó cũng tạo sự chuyển động của xương. Những kiến thức chung này có thể được vận dụng để giải thích một số rối loạn chức năng và làm nền tảng trước khi tìm hiểu về sinh lý cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể.

### **26. Sinh lý II**

Học phần sinh lý II tiếp nối với học phần sinh lý I sẽ trang bị các kiến thức cơ bản về chức năng, cơ chế và điều hòa hoạt động của máu, các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Nội dung học phần sẽ làm nền tảng để giải thích một số rối loạn chức năng, tác dụng dược lý và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng.

### **27. Hóa sinh**

Học phần Hóa sinh thuộc kiến thức cơ sở ngành, giới thiệu những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; trình bày nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học. Phần hóa sinh lâm sàng sẽ trang bị cho sinh viên những vấn đề chung của hóa sinh lâm sàng như: cách trình bày kết quả xét nghiệm và ý nghĩa của các xét nghiệm hóa sinh trong lâm sàng, biện luận các kết quả hóa sinh trong máu, nước tiểu và dịch cơ thể có liên quan đến bệnh lý của các cơ quan như gan, thận,... giải thích một số rối loạn chức năng cơ quan trong cơ thể.

## **28. Vi sinh**

Học phần Vi sinh thuộc kiến thức cơ sở ngành gồm 2 phần: Vi sinh học đại cương và Vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp. Vi sinh học đại cương: trình bày đại cương về đặc điểm vi sinh học của vi sinh vật gây bệnh; mối liên hệ giữa vi sinh vật, môi trường và cơ thể; cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và phản ứng của cơ thể đối với tình trạng nhiễm vi sinh vật; các nguyên tắc chung về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh nhiễm vi sinh vật. Vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp: trình bày đặc điểm vi sinh học, tính chất kháng nguyên và miễn dịch, khả năng gây bệnh, kỹ thuật chẩn đoán, nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật thường gặp.

## **29. Ký sinh trùng**

Ký sinh trùng là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hình thể, chu trình phát triển, bệnh lý, chẩn đoán các bệnh Ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam. Bên cạnh đó còn giúp cho sinh viên có khả năng tư vấn có hiệu quả cho cá nhân và cộng đồng về biện pháp phòng bệnh Ký sinh trùng.

## **30. Giải phẫu bệnh**

Nội dung chính của học phần giải phẫu bệnh bao gồm: Mô bệnh học đại cương, khám phá và giải thích các cơ chế bệnh lý cơ bản, tổn thương cơ bản của tế bào và mô, tổn thương rối loạn tuần hoàn, viêm, và u. Học phần này cung cấp những kiến thức mô bệnh học đại cương, giải thích cơ chế biến đổi của những tổn thương ở từng cơ quan riêng lẻ: Hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ cơ xương khớp, hệ thống bạch huyết, hệ thần kinh, và hệ nội tiết.

## **31. Sinh lý bệnh - Miễn dịch**

Học phần Sinh lý bệnh-Miễn dịch là một môn học ghép giữa hai môn Sinh lý bệnh học và Miễn dịch học. Học phần này sẽ cung cấp cho người học kiến thức về sinh lý bệnh đại cương và sinh lý bệnh cơ quan (các khái niệm cơ bản trong sinh bệnh học; các quy luật hoạt động của cơ thể bệnh trong các quá trình bệnh bệnh lý; những thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị tổn thương trong các bệnh lý) và miễn dịch học (kiến thức miễn dịch học đại cương, nghiên cứu các khái niệm cơ bản về hệ thống đáp ứng miễn dịch trong cơ thể và ý nghĩa của đáp ứng miễn dịch đối với cơ thể).

## **32. Dược lý**

Học phần Dược lý thuộc kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thuốc, cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và những vấn đề liên quan đến điều trị để thầy thuốc có thể hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả, hợp lý và an toàn.

## **33. Chẩn đoán hình ảnh**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý và kỹ thuật tạo hình cơ bản của những chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh; những ứng dụng, thuận lợi và hạn chế của từng chuyên ngành trong y học; giúp cho sinh viên nắm vững cách phân tích, mô tả hình ảnh, nhận biết đúng hình ảnh bình thường và hình ảnh của một số bệnh lý thường gặp của các cơ quan trong cơ thể.

### **34. Dinh dưỡng, an toàn và vệ sinh thực phẩm I**

Dinh dưỡng và An toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) là học phần cơ sở ngành cung cấp lĩnh vực kiến thức có ứng dụng rộng rãi trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người liên quan đến dinh dưỡng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng trong các loại thực phẩm phổ biến, và các vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng liên quan đến mất cân bằng dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên có khả năng đánh giá tình trạng dinh dưỡng cũng như những điều kiện đảm bảo trong công tác quản lý vệ sinh phòng chống ngộ độc thực phẩm trong cộng đồng.

### **35. Điều dưỡng cơ bản**

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, nhu cầu về mặt sức khỏe của con người, cách phòng ngừa sự cố y khoa, kiến thức cơ bản về thu thập, theo dõi và ghi nhận dấu hiệu sinh tồn, lượng dịch vào - ra...; có kiến thức cơ bản trong công tác chăm sóc người bệnh trong một số tình huống lâm sàng thường gặp. Nội dung học phần sẽ làm nền tảng để sinh viên vận dụng vào công tác chăm sóc và điều trị người bệnh.

### **36. Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường I**

Học phần Khoa học môi trường - sức khỏe môi trường I nhằm cung cấp cho người học các kiến thức liên quan đến sức khỏe và môi trường, hệ sinh thái, các qui luật sinh thái học, phát triển bền vững, mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật; các yếu tố môi trường ảnh hưởng lên sức khỏe và các tác động gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường cũng như các biện pháp xử lý ô nhiễm, xử lý chất thải

### **37. Dịch tễ học I**

Học phần cung cấp các kiến thức về nguyên lý và phương pháp dịch tễ học ứng dụng trong việc mô tả các vấn đề sức khỏe cộng đồng, nguyên lý dịch tễ học và biện pháp phòng chống các bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm và chấn thương, các hình thức giám sát dịch tễ học.

### **38. Khoa học hành vi và Giáo dục sức khỏe I**

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe (TT-GDSK); Lý thuyết về hành vi sức khỏe, mối liên quan giữa hành vi con người với các vấn đề sức khỏe; các phương pháp, phương tiện TT-GDSK; các kỹ năng cần rèn luyện trong TT-GDSK; lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các hoạt động chương trình giáo dục nâng cao sức khỏe.

### **39. Thực tập Y học dự phòng I**

Học phần thực tập Y học dự phòng I điều kiện cho sinh viên tiếp cận cộng đồng, tìm hiểu các yếu tố môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và tình hình thực tế một số vấn đề sức khỏe thường gặp trong cộng đồng.

### **40. Tiền lâm sàng I**

Học phần Tiền lâm sàng I là học phần Kỹ năng Y khoa cơ bản, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng Y khoa cơ bản; rèn luyện thái độ, ý thức tích cực trong tiếp xúc với bệnh nhân. Sinh viên được tiếp xúc với bệnh nhân giả để hỏi bệnh sử, được tham gia thảo luận nhóm và cho nhận phản hồi mang tính xây dựng. Sinh viên sẽ vận dụng kiến thức giải

phẫu trong thực hành thăm khám, nhận ra được các biểu hiện, dấu hiệu bình thường trong thăm khám; thực hành các kỹ năng thủ thuật trên mô hình đúng phương pháp, an toàn và vô khuẩn.

#### **41. Tiền lâm sàng II**

Học phần Tiền lâm sàng II là học phần Kỹ năng chuyên khoa cơ bản, nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư vấn tăng cường sự tuân thủ điều trị, thông báo tình huống xấu; các kỹ năng thăm khám và thủ thuật cơ bản về nội, ngoại, sản, nhi, mắt, tai mũi họng; tổng hợp thăm khám và xử trí cấp cứu ban đầu một số tình huống lâm sàng.

Sinh viên cần vận dụng và tích hợp kiến thức, kỹ năng được học trong học phần Tiền lâm sàng I và II vào các học phần Nội cơ sở, Ngoại cơ sở... và chuẩn bị thực hành thực tế tại bệnh viện.

#### **42. Nội cơ sở I**

Học phần hướng dẫn sinh viên cách tiếp cận bệnh nhân, khai thác triệu chứng cơ năng, thăm khám bệnh nhân toàn thân và hệ cơ quan nhằm phát hiện được triệu chứng cơ năng và thực thể; nắm được nguyên nhân gây bệnh và cận lâm sàng, phương pháp thăm dò trong bệnh lý tim mạch, nội tiết, tiêu hóa để chỉ định đúng và nhận định được kết quả làm cơ sở để hướng tới chẩn đoán bệnh. Học phần giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản để học tiếp học phần nội bệnh lý và các học phần khác.

#### **43. Nội cơ sở II**

Học phần hướng dẫn sinh viên cách tiếp cận bệnh nhân, khai thác triệu chứng cơ năng, thăm khám bệnh nhân toàn thân và hệ cơ quan nhằm phát hiện được triệu chứng cơ năng và thực thể; nắm được nguyên nhân gây bệnh và cận lâm sàng, phương pháp thăm dò trong bệnh lý hô hấp, thận niệu, huyết học, xương khớp để chỉ định đúng và nhận định được kết quả làm cơ sở để hướng tới chẩn đoán bệnh. Học phần giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản để học tiếp học phần nội bệnh lý và các học phần khác.

#### **44. Ngoại cơ sở I**

Nội dung gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh cấp cứu tiêu hóa, lồng ngực- mạch máu và nhiễm khuẩn-tiệt khuẩn ngoại khoa thường gặp.

#### **45. Ngoại cơ sở II**

Học phần Ngoại cơ sở II thuộc kiến thức ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp. Thực hành làm bệnh án ngoại khoa.

#### **46. Nội bệnh lý I**

Học phần Nội bệnh lý I là học phần thuộc kiến thức ngành. Đây là một học phần quan trọng, là nền tảng của y học lâm sàng, nhất là các chuyên ngành hệ nội. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức triệu chứng học, cơ chế bệnh sinh, các tổn thương thương cơ bản của bệnh, các xét nghiệm cận lâm sàng cần cho chẩn đoán bệnh, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính trong các bệnh

tim mạch, nội tiết, huyết học, thận, cấp cứu để từ đó sinh viên vận dụng trong thực hành lâm sàng hỏi bệnh, khám bệnh, hiểu và chỉ định được các cận lâm sàng giúp hỗ trợ cho chẩn đoán và điều trị cũng như tiên lượng và dự phòng bệnh.

#### **47. Nội bệnh lý II**

Học phần Nội bệnh lý 2 là học phần thuộc kiến thức ngành. Đây là một học phần quan trọng, là nền tảng của y học lâm sàng, nhất là các chuyên ngành hệ nội. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức triệu chứng học, cơ chế bệnh sinh, các tổn thương thương cơ bản của bệnh, các xét nghiệm cận lâm sàng cần cho chẩn đoán bệnh, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính trong các bệnh tiêu hóa, hô hấp, xương khớp để từ đó sinh viên vận dụng trong thực hành lâm sàng hỏi bệnh, khám bệnh, hiểu và chỉ định được các cận lâm sàng giúp hỗ trợ cho chẩn đoán và điều trị cũng như tiên lượng và dự phòng bệnh.

#### **48. Ngoại bệnh lý I**

Học phần Ngoại bệnh lý I thuộc kiến thức ngành. Trong học phần này sinh viên được giới thiệu về đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh của các bệnh ngoại khoa thường gặp; mô tả các triệu chứng lâm sàng của các bệnh ngoại khoa thường gặp. Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt các bệnh ngoại khoa thường gặp; các nguyên tắc xử trí ban đầu, chỉ định và nguyên tắc điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp.

#### **49. Ngoại bệnh lý II**

Học phần Ngoại bệnh lý II thuộc kiến thức ngành. Trong học phần này sinh viên được giới thiệu về đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh của các bệnh ngoại khoa thường gặp; mô tả các triệu chứng lâm sàng của các bệnh ngoại khoa thường gặp. Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt các bệnh ngoại khoa thường gặp; các nguyên tắc xử trí ban đầu, chỉ định và nguyên tắc điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp.

#### **50. Nhi I**

Học phần Nhi khoa I thuộc kiến thức ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhi khoa cơ sở như sự phát triển bình thường của trẻ, theo dõi và đánh giá sức khỏe trẻ em qua các thời kỳ. Hơn nữa, học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức trong chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đồng thời, học phần này cũng cung cấp các kiến thức về bệnh lý hô hấp, tim, dinh dưỡng cho trẻ, các chế độ ăn và những bệnh thường gặp ở trẻ em như suy dinh dưỡng, tiêu chảy cấp

#### **51. Nhi II**

Học phần Nhi khoa II thuộc kiến thức ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chẩn đoán, xử trí và cách dự phòng các bệnh lý thận, huyết học, sơ sinh ở trẻ em. Đồng thời, học phần Nhi Khoa II cũng sẽ khái quát được cách tiếp cận nguyên nhân cũng như cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức cần thiết trong xử trí các bệnh lý cấp cứu thường gặp như co giật, hôn mê, sốt xuất huyết, tay chân miệng.

#### **52. Phụ sản I**

Học phần Phụ sản 1 giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, biết cách theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường; định hướng bước đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu; có khái niệm về những trường hợp thai nghén bệnh lý, một số vấn đề về sinh lý phụ khoa thường gặp. Học phần này còn giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể trong

công tác tư vấn, quản lý thai kỳ, các thay đổi sinh lý sinh dục nữ bình thường và khi mang thai; từ đó thực hiện được cách chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh.

### **53. Phụ sản II**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Triệu chứng, chẩn đoán những trường hợp thai nghén khó khăn và một số bệnh lý xảy ra trong thai kỳ, một số bệnh lý phụ khoa lành tính. Đồng thời, học phần này sinh viên sẽ tiếp cận sâu về lãnh vực chảy máu trong sản khoa, một số bệnh lý đi kèm khi mang thai gây nguy hiểm cho tính mạng người mẹ và từ đó sẽ ảnh hưởng đến thai nhi, cũng giúp sinh viên biết cách chăm sóc một số trường hợp thai suy và cách hồi sức sơ sinh sau sanh bị ngạt.

### **54. Truyền nhiễm**

Học phần này bao gồm những nội dung liên quan đến đặc điểm dịch tễ học, tác nhân gây bệnh, triệu chứng, biến chứng, các thể lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và biện pháp dự phòng của các bệnh truyền nhiễm thường gặp. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, xử trí các bệnh truyền nhiễm thường gặp và có khả năng hướng dẫn các biện pháp dự phòng bệnh truyền nhiễm cho cộng đồng.

### **55. Y học cổ truyền**

Y học cổ truyền là học phần chuyên khoa đặc biệt, giúp cho sinh viên vận dụng tốt chủ trương kết hợp Đông - Tây Y trong hoạt động chuyên môn của mình sau này. Nội dung học phần bao gồm những học thuyết của hệ lý luận cơ bản, các nguyên tắc cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền. Học phần này cũng giúp người học nhận biết được một số vị thuốc đông dược thông dụng, tiếp cận được được các thủ thuật châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt,... , để thực hiện phương pháp chữa bệnh bằng cách dùng thuốc và không dùng thuốc trong điều trị một số bệnh thường gặp.

### **56. Lao**

Bệnh lao là môn học chuyên ngành, mang tính chất chuyên khoa sâu, cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về bệnh lao nói chung, từ nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, dịch tễ học, triệu chứng học, qua đó sinh viên có khả năng chẩn đoán, điều trị các dạng lao phổi và ngoài phổi thông thường, có thể tham gia quản lý chương trình chống lao quốc gia, cũng như kỹ năng xử trí các cấp cứu trong bệnh lao.

### **57. Răng hàm mặt**

Học phần Răng hàm mặt gồm 2 tín chỉ có 18 tiết lý thuyết và 45 tiết thực hành trên lâm sàng tại bệnh viện. Học phần này sẽ trang bị những kiến thức bệnh lý răng miệng thường gặp nhất và những chấn thương hàm mặt cùng các dạng viêm nhiễm, u nang vùng hàm mặt,... nguyên nhân gây bệnh, hướng xử trí và dự phòng các bệnh răng miệng cũng như các chỉ định và chống chỉ định nhổ răng.

### **58. Tai mũi họng**

Học phần Tai mũi họng thuộc kiến thức ngành giúp sinh viên phải xác định được các mốc giải phẫu, cấu tạo cũng như chức năng cơ bản, sinh lý các cơ quan Tai Mũi Họng, khai thác được quá trình bệnh sử, triệu chứng cơ năng, diễn tiến của bệnh, đề xuất một số xét nghiệm cận lâm sàng để giúp cho chẩn đoán, các nguyên tắc cơ bản trong xử trí cấp cứu và trình bày được các nội dung tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho nhân dân để đề phòng bệnh tật.



## **59. Mắt**

Học phần mắt cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lí và bệnh học về Mắt. Từ đó, sinh viên sau khi học xong học phần này có thể khám, chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí phù hợp các bệnh lý cũng như một số tình huống cấp cứu thường gặp tại mắt.

## **60. Da liễu**

Sau khi học xong học phần Da liễu, sinh viên phải có kiến thức tổng quát, thái độ đúng, khả năng chẩn đoán, xử trí ban đầu, giáo dục tư vấn, dự phòng các bệnh da thường gặp, bệnh lây truyền qua đường tình dục và bệnh phong; đồng thời giúp sinh viên có khả năng tự học tốt, thông qua các nội dung cơ bản phù hợp với chương trình chi tiết và được lượng giá bởi các tiêu chí đặt ra.

## **61. Phục hồi chức năng**

Nội dung gồm quá trình khuyết tật, các biện pháp phòng ngừa khuyết tật, các hình thức phục hồi chức năng, vai trò của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu, các dụng cụ phục hồi chức năng... Học phần giới thiệu cách khám trong chuyên ngành phục hồi chức năng, chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị các bệnh thường gặp bằng phương pháp vật lý trị liệu-phục hồi chức năng.

## **62. Thần kinh**

Thần kinh là môn học chuyên ngành của y khoa, có mối liên hệ mật thiết với rất nhiều các chuyên ngành khác nhau như nội khoa, ngoại thần kinh, ngoại chấn thương, y học cổ truyền, lão khoa... Học phần thần kinh này sẽ giúp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện các bệnh lý thần kinh thường gặp. Tiêu chí chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng và bệnh lý thần kinh thường gặp được cập nhật, giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản và có kỹ năng thực hành tốt.

## **63. Sức khỏe tâm thần**

Học phần Sức khỏe tâm thần thuộc kiến thức ngành giúp sinh viên hiểu được nội dung của tâm thần học hiện đại và kể được các nguy cơ chủ yếu về sức khỏe tâm thần hiện nay. Phát hiện đúng các biểu hiện về triệu chứng, hội chứng thường gặp trong thực hành tâm thần; xử trí được các trạng thái cấp cứu trong tâm thần như: kích động, tự sát... Chẩn đoán được một số rối loạn tâm thần thường gặp như tâm thần phân liệt, loạn thần triệu chứng, trầm cảm, rối loạn sử dụng chất, rối loạn sử dụng rượu... Biết tổ chức chăm sóc theo dõi bệnh nhân ở cộng đồng; vận dụng được các phương pháp điều trị (liệu pháp hóa dược, liệu pháp tâm lý trong điều trị, dự phòng các rối loạn tâm thần).

## **64. Sức khỏe sinh sản**

Học phần này thuộc Kiến thức ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sức khỏe sinh sản, các nội dung chương trình chăm sóc Sức khỏe sinh sản (SKSS) trên thế giới và Việt Nam, các kiến thức cơ bản về sức khỏe tình dục, các vấn đề SKSS ưu tiên và chính ở Việt Nam.

## **65. Kinh tế y tế**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh tế y tế, mối quan hệ giữa kinh tế và phát triển, các bước của quá trình phân tích chi phí, so sánh các mô hình tài chính y tế. Hướng dẫn phân tích ưu - nhược điểm của viện phí, khó khăn khi thực hiện bảo hiểm y tế,

chi phí cho một dự án, chi phí hộ gia đình cho sức khỏe, và lựa chọn can thiệp y tế dựa trên các đánh giá kinh tế y tế.

## **66. Chương trình y tế quốc gia - Tổ chức & Quản lý y tế**

Học phần này thuộc kiến thức ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các thành phần chức năng nhiệm vụ của mạng lưới y tế Việt Nam và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y tế; Các chương trình mục tiêu quốc gia y tế giai đoạn 2016– 2020 bao gồm Dự án Phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng; Tiêm chủng mở rộng; Chương trình phòng, chống HIV/AIDS.

## **67. Y xã hội học và nhân học y học**

Nội dung gồm những kiến thức và khả năng phân tích các vấn đề sức khỏe và bệnh tật một cách khái quát; xác định các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình xây dựng các chương trình can thiệp của Y tế công cộng.

## **68. Sức khỏe lứa tuổi**

Học phần Sức khỏe lứa tuổi cung cấp cho sinh viên các vấn đề sức khỏe thường gặp ở lứa tuổi học đường và người cao tuổi. Phân tích nguyên nhân và các yếu tố liên quan theo từng vấn đề sức khỏe, và đề xuất các biện pháp dự phòng phù hợp với các điều kiện về kinh tế văn hoá và các điều kiện y tế.

## **69. Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường II**

Học phần Khoa học môi trường - sức khỏe môi trường II nhằm cung cấp cho người học kiến thức về các mô hình và các nguy cơ sức khỏe môi trường ô nhiễm cũng như các biện pháp xử lý ô nhiễm, xử lý chất thải, quản lý và xử lý chất thải y tế; các bước lập kế hoạch và thực hiện các nghiên cứu về dịch tễ học môi trường.

## **70. Sức khỏe nghề nghiệp**

Học phần sức khỏe nghề nghiệp cơ bản cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp; phân loại các yếu tố tác hại nghề nghiệp; các yếu tố nguy cơ trong lao động, những ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động tới sức khỏe người lao động và các giải pháp cải thiện điều kiện lao động và phòng chống tai nạn lao động.

## **71. Dịch tễ học II**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về dịch tễ học và các biện pháp phòng, chống các bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm phổ biến; cập nhật một số kiến thức về dịch tễ học của các bệnh mới nổi xảy ra ở trên thế giới và tại Việt Nam; ứng dụng các khái niệm, các nguyên tắc của chuyên ngành dịch tễ học vào nghiên cứu các vấn đề sức khỏe ở các lĩnh vực khác nhau.

## **72. Dinh dưỡng, an toàn và vệ sinh thực phẩm II**

Dinh dưỡng và An toàn vệ sinh thực phẩm II thuộc kiến thức ngành nhằm mục đích áp dụng các kiến thức về khoa học dinh dưỡng và thực phẩm để can thiệp và giám sát tình trạng dinh dưỡng của cá nhân và cộng đồng. Qua đó, giúp sinh viên có thể theo dõi và phát hiện các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng; Đồng thời, áp dụng các kiến thức

về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý đánh giá các nguy cơ an toàn vệ sinh thực phẩm.

### **73. Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe II**

Học phần Khoa học hành vi và Giáo dục sức khỏe 2 thuộc Kiến thức ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nâng cao sức khỏe (NCSK); Đánh giá nhu cầu sức khỏe; Các phương pháp và kỹ năng cần thiết trong thực hiện truyền thông NCSK, phát triển và thử nghiệm tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe theo đúng quy trình, có chất lượng tốt và sử dụng hiệu quả tại cộng đồng. Học phần này giúp sinh viên hình thành và hoàn thiện những năng lực này trong quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp sau này để góp phần nâng cao kiến thức, giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.

### **74. Dân số học**

Học phần Dân số học thuộc kiến thức ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dân số gồm các khái niệm về quy mô, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, mức sinh – mức chết và các yếu tố ảnh hưởng, dân số và phát triển và nâng cao chất lượng dân số. Học phần Dân Số học có liên quan mật thiết với nhiều học phần khác như Xã hội học sức khỏe, Dân số và phát triển, KHHGD, Sức khỏe sinh sản, Thống kê dân số y tế, Truyền thông về DS-KHHGD, Chính sách y tế...

### **75. Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe**

Học phần cung cấp các kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu, đánh giá một nghiệm pháp chẩn đoán, cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học.

### **76. Thực tế Y học Dự phòng II**

Học phần thực hành cộng đồng 2 về tổ chức và hoạt động của trạm y tế; tìm hiểu việc thực hiện các hoạt động xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, chọn một vấn đề sức khỏe cộng đồng để tiến hành khảo sát đánh giá nhu cầu và thực hiện can thiệp bằng truyền thông GDSK tại cộng đồng.

### **77. Thực tế Y học Dự phòng III**

Học phần Thực tập y học dự phòng III thuộc kiến thức ngành cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để có thể tham gia vào các hoạt động tại các Trung tâm y tế Quận/Huyện (Kiểm soát và phòng chống dịch bệnh, Thực hiện các chương trình phòng chống các bệnh không lây, chương trình sức khỏe học đường), nơi mà các sinh viên sẽ làm việc sau khi ra trường.

### **78. Y học gia đình**

Nội dung bao gồm các nguyên lý y học gia đình và việc ứng dụng các nguyên lý chính vào chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tư vấn và dự phòng một số bệnh mạn tính và cấp cứu thường gặp cho cá nhân, gia đình tại phòng khám ngoại trú.

### **79. Y học đáp ứng với thảm họa**

Y học thảm họa là học phần kiến thức ngành cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về thảm họa và kiến thức cơ bản về quản lý thảm họa; kiến thức về hậu quả của thảm họa và phương pháp quản lý những hậu quả của thảm họa. Sinh viên vận dụng các kiến

thức cơ bản vào việc đánh giá nhu cầu sức khỏe và đáp ứng xử trí đối với các tình huống y tế khẩn cấp.

## **80. Pháp Y**

Pháp y là cầu nối giữa y học và pháp luật, là một ngành trong y khoa tham gia một cách hữu hiệu vào pháp lý thông qua việc áp dụng các kiến thức lâm sàng, cận lâm sàng và giải phẫu tử thi để xác định các nguyên nhân tử vong. Bên cạnh đó, còn giúp rất nhiều trong việc đánh giá hiệu quả công tác điều trị, rút kinh nghiệm chuyên môn. Nội dung học phần pháp y: cung cấp kiến thức chủ yếu của lĩnh vực của pháp y hình sự, bao gồm: tử thi học, thương tích học và các hình thái chết không tự nhiên khác. Qua đó, sinh viên hiểu được ý nghĩa của giải phẫu tử thi và các trường hợp cần thiết phải giải phẫu tử thi.

## **81. Lý luận và phương pháp giảng dạy**

Học phần giới thiệu các nội dung cơ bản về dạy-học tích cực như Đặc điểm học tập của người lớn, Các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ có lời và không lời, Xác định mục tiêu học tập, Các phương pháp dạy học và lượng giá thường dùng trong đào tạo lĩnh vực y khoa,... giúp cho sinh viên có được kiến thức và kỹ năng tương ứng để giao tiếp, học tập, cũng như làm việc một cách hiệu quả trong môi trường giáo dục hoặc môi trường làm việc liên qua đến truyền thông, giao tiếp cộng đồng.

## **82. Định hướng cơ bản chuyên khoa y học dự phòng**

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về tiêm chủng mở rộng rộng, cách tổ chức thực hiện và giám sát buổi tiêm chủng, xử lý các tai biến trong quá trình tiêm chủng. Các kiến thức cơ bản về vaccine, nguyên lý miễn dịch của vaccine, cách thức bảo quản và vận chuyển vắc xin. Các kiến thức và kỹ năng để có thể tham gia vào các hoạt động tại các Trung tâm y tế dự phòng kiểm soát và phòng chống dịch bệnh; các hoạt động sức khỏe cộng đồng bao gồm sức khỏe học đường, vệ sinh môi trường, phòng ngừa tai nạn thương tích; các hoạt động phòng chống: bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, các rối loạn do thiếu iode, dinh dưỡng cộng đồng. Các kiến thức và kỹ năng cơ bản về vi sinh y, ký sinh học, các kỹ thuật nuôi cấy, soi phân tươi, phân lập để xác định các vi khuẩn gây bệnh, xét nghiệm cơ bản để chẩn đoán bệnh ký sinh trùng; cách làm một số loại tiêu bản ký sinh trùng, cách thực hiện một số test chẩn đoán vi khuẩn, virus của một số bệnh truyền nhiễm phổ biến. Các kiến thức cơ bản về nguyên lý, cách thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm để đánh giá về vệ sinh an toàn thực phẩm hiện đang sử dụng.

## **83. Định hướng cơ bản chuyên khoa can thiệp cộng đồng**

Học phần này là học phần kiến thức ngành tự chọn nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng khảo sát đánh giá sức khỏe cộng đồng, thực hiện thu thập số liệu, xử lý phân tích số liệu, diễn giải kết quả; lập kế hoạch phổ biến và sử dụng kết quả để giải quyết một vấn đề sức khỏe cộng đồng. Đồng thời cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng viết báo cáo và bài báo khoa học công bố kết quả nghiên cứu vấn đề sức khỏe cộng đồng

## **84. Kiến thức chuyên ngành tổng hợp**

Kiến thức chuyên ngành tổng hợp bao gồm dịch tễ học, thống kê dân số, tổ chức quản lý y tế, giáo dục nâng cao sức khỏe, sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp và dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm

## **11. Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục**

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được công nhận là đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo nghị quyết 05/NQ-HĐKĐCLGD, ngày 22/4/2018 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Đà Nẵng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.